



Số 26.01911
26.1810DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

05/8/2026
Trang 1/5

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KCN IDICO
Số 48, Kp.3, P.Long Hưng, Tp.Đồng Nai
- Nơi lấy mẫu : Nhà máy XLNT tập trung KCN Nhơn Trạch 1
Đường số 4, KCN Nhơn Trạch 1, Tp. Đồng Nai
- Tên mẫu : Nước thải sau xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp (Đính kèm hình ảnh trang 5/5)
- Ngày lấy mẫu : 16/7/2026
- Ngày nhận mẫu : 16/7/2026
- Thời gian thử nghiệm : 16/7/2026 - 05/8/2026
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2-4/5

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



Số: 26.01/1911
26.1810ĐV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

05/8/2026
Trang 2/5

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Độ màu ⁽¹⁾⁽²⁾	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2023	13
2	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	8
3	COD ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	22
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	10
5	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,24
6	Tổng nitơ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	10,1
7	Tổng photpho ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	2,45
8	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	2,59
9	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	262
10	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	0,0044
11	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1
12	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,004
13	Tổng dầu mỡ khoáng ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3
14	Asen (As) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001
15	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005
16	Chì (Pb) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01
17	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,001
18	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,01
19	Đồng (Cu) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,015
20	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,26
21	Niken (Ni) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,056
22	Mangan (Mn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05
23	Sắt (Fe) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	0,19
24	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	0,017

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

05/8/2026

Trang 3/5

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
25	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	-
	Diazinon ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2
	Parathion ethyl (Parathion) ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2
	Parathion methyl ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2
	Phorate ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2
	Sulfotep ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2
	Thionazin ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2
	O,O,O-Triethyl phosphorothioate ⁽¹⁾⁽⁴⁾	µg/L		<0,2
26	Hóa chất BVTV clo hữu cơ ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	-
	α-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	β-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	γ-HCH (Lindan) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	δ-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	Aldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Cis-Clodan ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Trans-Clodan ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	4,4'-DDD ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	4,4'-DDE ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	4,4'-DDT ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Dieldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Endosulfan I ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Endosulfan II ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Endosulfan sulfat ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Endrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Endrin aldehyt ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Endrin ketone ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Heptaclo epoxit ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Heptaclo ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Metoxyclo ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

05/8/2026
Trang 4/5

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
27	Coliform ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	1,3x10 ³
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(*)	Bq/L	SMEWW 7110 B:2023	KPH (LOD = 0,03)
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(*)	Bq/L		0,43
30	Tổng PCBs ^(*)		USEPA 3510C & USEPA 3630C & USEPA 8270E	
	+ PCB-18	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-28	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-31	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-44	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-52	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-101	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-118	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-138	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-149	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-153	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-170	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-180	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-194	mg/L		KPH (LOD=0,00005)
	+ PCB-209	mg/L		KPH (LOD=0,00005)

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

(4) : Thông số chưa được công nhận VILAS

KPH : Không phát hiện

LOD : Giới hạn phát hiện

(*): Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số Q326B087736 (MITN26012397) (MT.2026.05032), ngày 28/7/2026

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.019/TT
26.1810ĐV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

05/8/2026

Trang 5/5



Handwritten signature

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng